

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **06/2022/DS-ST**

Ngày: 07/4/2022

V/V tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Phôi

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1990;

Bà C, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

(Ông A và ông B, bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông A trình bày:

Do chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên ông nhiều lần cho ông B và bà C vay tiền, cụ thể từng lần vay thì ông không nhớ rõ. Đến ngày 12/11/2021 thì ông B, bà C có chốt lại biên nhận còn nợ số tiền là 221.430.000 đồng, số tiền này bao gồm có số tiền vốn và tiền lãi, số tiền vốn bao nhiêu thì nhiều lần vay rồi viết lại biên nhận nên ông không nhớ rõ. Lúc vay thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để làm ăn. Từ khi vay đến nay thì ông B, bà C không có trả vốn, chỉ có trả lãi từ lúc vay cho đến 8/2021 thì ngưng không trả lãi nữa, số

tiền lãi ông B, bà C đã trả bao nhiêu thì ông không nhớ rõ. Biên nhận ngày 12/11/2021 do ông viết, ông B và bà C có ký tên vào biên nhận. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà C trả lại số tiền nợ tổng cộng là 221.430.000 đồng và tiền lãi tuy nhiên ông B, bà C không trả. Nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà C trả cho ông A số tiền 221.430.000 đồng và ông A xin rút lại yêu cầu trả lãi suất phát sinh cho đến khi án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 2.878.590 đồng. Nguyên đơn ông A chỉ yêu cầu ông B và bà C có nghĩa vụ trả số tiền 221.430.000 đồng, trả trong thời hạn 02 tháng đến cuối tháng 5/2022 phải trả hết số tiền 221.430.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông B bày:

Ông B thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông A, hiện vợ chồng ông còn nợ ông A số tiền tổng cộng là 221.430.000 đồng. Quá trình vay tiền thì ông có trả lãi cho ông A nhiều lần nhưng không có làm biên nhận, ông cũng không có yêu cầu gì phần tiền lãi ông đã trả cho ông A. Biên nhận đề ngày 12/11/2021 ông có ký tên trong biên nhận. Ông cũng đồng ý trả số tiền 221.430.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 221.430.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà B bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông B. Vợ chồng bà còn nợ ông A số tiền 221.430.000 đồng, biên nhận đề ngày 12/11/2021 bà có ký tên trong biên nhận, bà cũng đồng ý trả số tiền 221.430.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 221.430.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và bị đơn ông B và bà C đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A yêu cầu bị đơn ông B và bà C có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 221.430.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A xác định phía ông có cho ông B, bà C vay số tiền 221.430.000 đồng. Phía ông A cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông A có cho ông B, bà C vay tiền, cụ thể là bản chính biên nhận đề ngày 12/11/2021 có chữ ký của ông B, bà C. Nhưng khi đến hạn trả tiền thì ông B, bà C không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung

đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông B, bà C cũng thống nhất đối với lời trình bày của ông A, hiện ông B, bà C còn nợ ông A số tiền 221.430.000 đồng; ông B và bà C đồng ý trả số tiền 221.430.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 thì nguyên đơn ông A có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà C trả lãi suất phát sinh cho đến khi án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 2.878.590 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì nguyên đơn ông A xin rút lại yêu cầu trả lãi suất phát sinh cho đến khi án có hiệu lực pháp luật, tạm tính là 2.878.590 đồng. Nguyên đơn ông A chỉ yêu cầu ông B, bà C trả số tiền 221.430.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông A.

[4] Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả trong thời hạn 02 tháng đến cuối tháng 5/2022 phải trả hết số tiền 221.430.000 đồng. Bị đơn xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 221.430.000 đồng. Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền 221.430.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền 221.430.000 đồng là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông B, bà C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông A số tiền 221.430.000 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 221.430.000 đồng x 5% = 11.071.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc bị đơn ông B, bà C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông A số tiền 221.430.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông B và bà C liên đới chịu 11.071.500 (Mười một triệu không trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A số tiền 5.535.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002207 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, ông B, bà C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

